TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 200/ 2020/DS-PT Ngày: 30 / 6 /2020; V/v "tranh chấp Hợp đồng mua bán, Bồi thường thiệt hại"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán, Bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2020/QĐXX-PT ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Phan Văn C - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 43, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Tiến V, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 259/1C, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2020) (Có mặt)

- *Bị đơn*:

1. Trần Đức Q1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 819, đường Q, khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q1: Chị Đặng Thị Q2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020) (Có mặt)

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q (hiện nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q)

Người đại diện theo pháp luật: Chị Đặng Thị Q2 - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Trần Quốc K, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Ngô Phát T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 222/34/15, đường B, phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (gọi tắt là Công ty H) trình bày:*

Ngày 29/3/2017, anh Trần Đức Q1 là Chủ cơ sở mua bán gỗ Đ có mua của Công ty H loại gỗ căm xe xẻ với số lượng 35,179m³, ngày 31/3/2017 khi Công ty H cung cấp đủ số lượng gỗ cho anh Q1 và có xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000579 cùng ngày với số tiền 396.643.225 đồng theo yêu cầu từ phía anh Q1. Nhưng từ khi xuất hóa đơn đến nay thì anh Q1 không thanh toán tiền, nhiều lần có yêu cầu mà anh Q1 không trả, hiện nay anh Q1 gởi số gỗ mua bán trên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q (gọi tắt là Công ty Q). Nay yêu cầu anh Trần Đức Q1 là Chủ cơ sở mua bán gỗ Đ và Công ty Q do chị Đặng Thị Q2 là người đại diện có nghĩa vụ giao trả toàn bộ số gỗ 35,179m³, có giá trị tương đương 396.643.225 đồng và lãi suất theo qui định.

Ngày 11/6/2019, Công ty H có đơn khởi kiện bổ sung trình bày không đồng ý với lời trình bày giữa anh Q1 với chị Q2 tại các lần làm việc của Công an huyện C và những lần làm việc, hòa giải của Tòa án huyện C. Nay khởi kiện bổ sung yêu cầu anh Q1 và Công ty Q có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với số tiền 623.076.000 đồng, cụ thể:

1. Số tiền vận chuyển gỗ từ Gia Lai về Mỹ Thuận, tiền xe cẩu lên xuống, tiền thuê bãi gửi gỗ là 56.979.000 đồng.

2. Tiền lãi Ngân hàng 83.385.000 đồng.

3. Thiệt hại là 482.712.000 đồng.

Ngoài ra có ý kiến về giá trị tài sản tranh chấp là 598.043.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 13/11/2019, Công ty H đưa ra yêu cầu: Yêu cầu anh Trần Đức Q1 là Chủ cơ sở mua bán gỗ Đ và Công ty Q do chị Đặng Thị Q2 là người đại diện có nghĩa vụ giao trả số gỗ mà anh Q1 và chị Q2 đã nhận trước đó là 19,777m³ loại gỗ căm xe, Công ty H đã nhận xong 11 khúc gỗ căm xe vào ngày 28/7/2017, còn lại 44 khúc gỗ căm xe hiện đang gửi giữ tại bãi gỗ của Công ty T thuộc ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì Công ty H đề nghị Tòa án cho nhận lại số gỗ này và yêu cầu anh Q1 và Công ty Q bồi thường thiệt hại số tiền 623.076.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty H yêu cầu anh Q1 và Công ty Q liên đới trả số gỗ 32,437m^3 loại gỗ căm xe trong đó gồm: 19,777m^3 tương ứng số tiền là 336.209.000 đồng và lãi suất từ ngày 31/3/2017 cho đến ngày xét xử, bồi thường số tiền của 12,66m^3 gỗ còn giữ tại bãi gỗ Mỹ Thuận là 53.805.000 đồng (căn cứ biên bản định giá ngày 05/11/2019) + bồi thường thiệt hại số tiền là 57.305.000 đồng gồm: Chi phí vận chuyển gỗ từ Gia Lai về Mỹ Thuận 42.215.000 đồng, tiền xe cẩu lên xuống tại bãi gỗ Mỹ Thuận 8.090.000 đồng, tiền thuê gởi gỗ tại Mỹ Thuận 11.045.000 đồng.

- *Theo bị đơn anh Trần Đức Q trình bày*:

Anh không đồng ý theo yêu cầu của Công ty H vì anh không có nhận hàng của nguyên đơn, theo anh Q1 được biết thì anh Ngô Phát T có giao cho chị Q2 19,777m^3 gỗ căm xe để trừ nợ trước đó mà anh T, anh K và chị H là người của Công ty H nợ chị Q2; anh có nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện C số tiền 202.714.000 đồng do chị Q2 đưa cho anh, anh đồng ý giao lại số tiền này cho Công ty H là tiền bán số gỗ 19,777m^3 mà chị Q2 nhận từ anh T, phần yêu cầu còn lại thì anh không biết.

- Theo bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q (nay đổi tên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q) do chị Đặng Thị Q2 là đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu độc lập trình bày:

Ngày 16/8/2016, chị có giao dịch bán gỗ căm xe 112.302m^3 và cà chít 10,041m^3 cho Công ty H do anh T và anh K là nhân viên công ty đứng ra giao dịch với tổng giá trị là 1.257.000.000 đồng, trong hóa đơn nộp thuế chỉ ghi 939.714.930 đồng; sau giao dịch hẹn nhiều lần không trả tiền, đến tháng sau thì Công ty H trả,

nhưng còn thiếu lại 255.000.000 đồng. Do bức xúc việc thiếu nợ của Công ty H nên chị có nhờ anh Trần Đức Q1 đứng ra mua gỗ của Công ty H để giao gỗ cho chị cấn trừ nợ. Tại thời điểm giao gỗ giữa anh Q1 với anh T thì có mặt chị và Công ty cũng đồng ý giao số gỗ 19,777m^3 cho chị, sau khi nhận chị đã xẻ gỗ bán cho người khác với giá là 202.714.000 đồng. Nay chị yêu cầu Công ty H phải trả số nợ cho chị là 255.000.000 đồng và lãi suất theo qui định. Đối với yêu cầu của Công ty H thì chị đồng ý giao trả lại số tiền 202.714.000 đồng mà chị đã giao nộp cho Cơ quan điều tra công an huyện C, số gỗ còn lại thì phía Công ty H tự giải quyết; đối với yêu cầu phải bồi thường thiệt hại thì chị không đồng ý vì những lời trình bày của Công ty H là không có cơ sở phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Q2 rút lại yêu cầu độc lập, không yêu cầu đối với Công ty H phải trả số nợ 255.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 228, 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 360, 363, 364, 419, 430, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có anh Phan Văn C làm đại diện, ủy quyền cho anh Trần Tiến V.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có anh Phan Văn C làm đại diện ủy quyền cho anh Trần Tiến V yêu cầu anh Trần Đức Q1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q (nay được đổi tên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q) do chị Đặng Thị Q2 đại diện phải trả số tiền 244.605.000 đồng (111.110.000 đồng + 133.495.000 đồng).

- Ghi nhận anh Trần Đức Q1 ủy quyền cho chị Đặng Thị Q2 giao trả số tiền 202.714.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có anh Phan Văn C làm đại diện, chị Q2 có nghĩa vụ giao.

- Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có anh Phan Văn C làm đại diện đã nhận xong 11 khúc gỗ căm xe vào ngày 28/7/2017.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H có anh Phan Văn C làm đại diện tiếp tục được nhận số gỗ căm xe còn lại là 44 khúc tại kho gỗ Công ty T thuộc ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do anh Trần Quốc K quản lý.

Kể từ ngày Công ty Hiệp V có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền, nếu chị Q2 chậm thi hành thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định trên số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của chị Đặng Thị Q2 là đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q (nay được đổi tên là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Q) đòi Công ty H phải trả số nợ mua bán là 255.000.000 đồng và lãi suất theo qui định.

- Đình chỉ một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H trên số tiền 623.076.000 đồng.

Công ty H và chị Q có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại trong phạm vi đình chỉ này theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn Công ty TNHH MTV H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét:

1. Buộc ông Trần Đức Q, bà Đặng Thị Q có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số gỗ căm xe xẻ: 19,777m³ (35,179m³ - 15,402m³ = 19,777m³) bằng hiện vật tương đương số tiền 336.209.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày 31/3/2017 đến khi xét xử.

2. Buộc ông Q1, bà Q2 và Công an huyện C bồi thường thiệt hại do làm giảm giá trị gỗ với số tiền là 53.805.000 đồng theo biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 05/11/2019.

3. Buộc ông Q1 và bà Q2 liên đới bồi thường thiệt hại tổng số tiền 61.350.000 đồng (tiền vận chuyển gỗ, chi phí cẩu gỗ, tiền thuê gửi gỗ).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH MTV H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo hướng hủy án sơ thẩm hoặc sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Đức Q1 và Công ty TNHH MTV gỗ Q do chị Đặng Thị Q2 đại diện theo ủy quyền và theo pháp luật có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Anh Phan Văn C có đơn kháng cáo còn trong thời hạn luật định được quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn anh Phan Văn C chưa xét đến vì Tòa sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc thu thập chứng cứ và đưa người tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm số 258/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tư cách người tham gia tố tụng:

- Anh Phan Văn C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định được quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc K và anh Ngô Phát T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K, anh T.

[2] Về nội dung vụ án và nguyên nhân tranh chấp:

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2019 (bút lục 07-08), đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/6/2019 (bút lục 132-135) và đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 28/11/2019 (bút lục 191-192), nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H khởi kiện xác định anh Trần Đức Q1 là bị đơn và xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV gỗ Q, nay là Công ty TNHH MTV Q (gọi tắt Công ty Q). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đều xác định anh Q1 là bị đơn, Công ty Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tại Bản án sơ thẩm lại xác định Công ty Q là bị đơn nhưng lại không nhận định lý do xác định lại tư cách tố tụng của Công ty Q trong bản án là có thiếu sót.

[2.2] Ngày 02/01/2019, nguyên đơn Công ty H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa toàn bộ số lượng gỗ 35,179m^3 ông Q1 đang giữ, không cho ông Q1 chuyển dịch, mua bán, tặng cho … bất cứ hình thức nào

tránh trường hợp ông Q1 tẩu tán số lượng gỗ của Công ty (BL 11). Xét thấy, Tòa án sơ thẩm nhận đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trước khi mở phiên tòa, nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện nội dung Thẩm phán được phân công giải quyết vụ đã xem xét, giải quyết đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Công ty H theo điểm a Khoản 2 Điều 133 BLTTDS là vi phạm về thủ tục tố tụng.

[2.3] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng, Công ty Q do chị Đặng Thị Q2 làm đại diện thông qua anh Trần Đức Q1 là Chủ cơ sở mua bán gỗ Đ thỏa thuận với Công ty H mua 35,179m^3 (120 khúc) gỗ căm xe giao tại kho gỗ H do anh Trần Quốc K quản lý vào ngày 01/4/2017 để chị Q2 lấy số gỗ nhằm cấn trừ nợ trước đây của Công ty H đối với Công ty của chị Q2. Theo thỏa thuận phía Công ty H đã giao hàng cho anh Q1 tại kho gỗ H và chị Q2 trực tiếp lấy 19,777m^3 (65 khúc) gỗ có sự chứng kiến của anh Q1, anh T (nhân viên Công ty H). Phía Công ty H cho rằng có sự lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên tố giác với Công an huyện C. Sau khi nhận tin báo tố giác tội phạm, Công an huyện C có lấy lời khai những người liên quan và ngày 15/6/2017 lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2017 của Công ty H xuất cho Cơ sở mua bán gỗ Đ do anh Trần Đức Q1 làm chủ và Bảng kê lâm sản (bút lục 31). Ngày 15/01/2018 Công an huyện C ra Quyết định và Thông báo số 17 về việc "Không khởi tố vụ án hình sự" (bút lục 33, 122), đến ngày 09/3/2018 và 06/8/2018, Công an huyện C mới tống đạt Quyết định và Thông báo số 17 cũng như giao nhận trả lại hóa đơn, bảng kê lâm sản cho Công ty H (bút lục 38, 117-120). Trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 11/4/2018, Công ty H có đơn xin nhận lại tài sản, với nội dung "Căn cứ vào vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000579, ngày 31/3/2017 của Công ty TNHHMTV H xuất bán cho Cơ sở mua bán gỗ Đ … Do thời gian Công an giam giữ số gỗ trên rất lâu, ảnh hưởng đến chất lượng gỗ cho Công ty nên Công ty TNHHMTV H xin Công an huyện C cho Công ty nhận lại số gỗ trên để Công ty bán thu hồi vốn" (bút lục 72). Tòa án sơ thẩm chưa tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Công an huyện C để làm rõ việc Công an huyện C có giam giữ số gỗ như trình bày của Công ty H hay không mới có cơ sở giải quyết vụ án là đã vi phạm Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, Công ty H khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại từ việc tạm giữ gỗ dẫn đến mất giá trị nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công an huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo tính khách quan của vụ án để xác định nguyên nhân và mức độ lỗi của các bên đối với yêu cầu bồi thường thiệt của Công ty H là thiếu sót, ảnh hưởng quyền lợi của các bên đương sự.

[2.4] Theo nội dung đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/6/2019 (bút lục 135), Công ty H có yêu cầu anh Trần Đức Q1 và Công ty Q phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với số tiền 623.076.000 đồng, cụ thể:

+ Số tiền vận chuyển gỗ từ Gia Lai về Mỹ Thuận, tiền xe cẩu lên xuống, tiền thuê bãi giữ là 56.979.000 đồng

+ Tiền lãi Ngân hàng 83.385.000 đồng.

+ Giá trị tài sản tranh chấp 35,179m^3 gỗ thành tiền là 598.043.000 đồng (35,179m^3 x 17.000.000 đồng/m^3).

Trong vụ án này mặc dù các đương sự không có yêu cầu giám định thiệt hại đối với tài sản tranh chấp là 35,179m^3 gỗ, nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm cần thiết phải ra Quyết định trưng cầu giám định theo khoản 2 Điều 102 BLTTDS thì mới có Kết luận giám định của Cơ quan chuyên môn làm căn cứ vững chắc để giải quyết vụ án.

[2.5] Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2019 (bút lục 184), phía Công ty H trình bày "Ngày 28/7/2017 có nhận lại 11 khúc gỗ căm xe, còn lại 44 khúc gỗ đang được giữ tại bãi gỗ của Công ty T thuộc ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì Công ty đề nghị Tòa án cho nhận lại số gỗ này". Xét lời trình bày này của Công ty H đã mâu thuẫn với nội dung đơn xin nhận lại tài sản ngày 11/4/2018, vì Công ty H cho rằng Công an huyện C giam giữ số gỗ trên. Nội dung này Tòa sơ thẩm cũng chưa xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh làm rõ việc Công ty H nhận 11 khúc gỗ căm xe ở đâu? ai là người giao? khối lượng của 11 khúc gỗ là bao nhiêu? 44 khúc gỗ còn lại đang được giữ tại bãi gỗ của Công ty T thì ai là người trực tiếp đứng ra thuê bãi? Công ty T do ai làm chủ để từ đó có cơ sở xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án.

[2.6] Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2017 (bút lục 116) và quá trình giải quyết, anh Trần Quốc K trình bày, anh là quản lý bãi gỗ của Công ty T. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Tiến V đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn C trình bày "anh Trần Quốc K chỉ là người làm thuê cho Công ty T ". Xét quyết định án sơ thẩm tuyên Công ty H tiếp tục được nhận số gỗ căm xe còn lại tại kho gỗ Công ty T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng quyền lợi của Công ty T và quá trình thi hành án là vi phạm về thủ tục tố tụng.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đặng Thị Q2 là đại diện theo ủy quyền của anh Trần Đức Q1, chủ cơ sở mua bán gỗ Đ đã trình bày "Cơ sở mua bán gỗ Đ có giấy phép kinh doanh", nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập giấy phép

kinh doanh của anh Trần Đức Q1 để xác định loại án tranh chấp cũng như phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án là vi phạm về thủ tục tố tụng.

[2.8] Phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 258/2019/DS-ST, ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang không tuyên về phần chi phí tố tụng mà đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 157, Điều 165 BLTTDS là chưa đúng với quy định của pháp luật.

[2.9] Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận bị đơn trả tiền nhưng không buộc bị đơn chịu án phí là trái với Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2.10] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các thiếu sót kể trên của Tòa sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể bổ sung và khắc phục được nên cần hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại, nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty H.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Công ty H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[6] Nghĩa vụ chịu án phí và các chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 258/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MTV H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại Công ty TNHH MTV H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002822 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tuyên án lúc 08 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện C;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Việt Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn – Nguyễn Thanh Phong **Huỳnh Việt Trung**

Nơi nhận:
- TAND huyện Cái Bè;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Việt Trung